

Bản án số: 30/2022/HNGĐ-ST
Ngày 14 tháng 6 năm 2022
Về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoàng Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Ngọc Ánh và ông Trần Văn Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thái Quang – Thư ký, Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái không tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 88/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1985

Địa chỉ: Tổ dân phố C, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Trần Thị X, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; bản tự khai; các tài liệu có trong hồ sơ nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày:

Anh và chị Trần Thị X đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái ngày 22/12/2010 trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 6 năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Anh và chị X đã ly thân từ cuối năm 2011 đến nay không còn quan tâm đến nhau. Anh xác định tình cảm vợ chồng đã hết, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Thị X.

Về con chung: Anh và chị Trần Thị X có 01 con chung là cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 06 tháng 5 năm 2011. Anh đề nghị giao cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu B, anh cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/01 tháng cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi.

Về chia tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn chị Trần Thị X trình bày:

Về hôn nhân: Chị thừa nhận về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân giữa chị với anh Đ đúng như anh Đ trình bày, chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh Đ được ly hôn.

Về con chung: Chị và anh Đ có 01 con chung là cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 06 tháng 5 năm 2011. Chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu B, yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/01 tháng.

Về chia tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ, bị đơn chị Trần Thị X có đơn thoả thuận lựa chọn Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái giải quyết Ly hôn. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ, bị đơn chị Trần Thị X đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Đ kết hôn với chị Trần Thị X trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Đ và chị X đều thừa nhận sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 6 năm 2011 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, đã sống ly thân từ cuối năm 2011 đến nay không còn quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hoà giải nhiều lần nhưng không khắc phục được. Anh Đ và chị X đều xác định tình cảm vợ chồng đã hết, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Đ và chị X đã trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Đ.

[2.2] Về con chung: Anh Đ và chị X có 01 con chung là cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 06 tháng 5 năm 2011 anh, chị đều thống nhất giao cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu B, anh Đ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/01 tháng cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi. Xét thấy đề nghị của anh Đ, chị X phù hợp với quy định của pháp luật và nguyện vọng của cháu B là được ở cùng chị X khi anh Đ và chị X ly hôn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về chia tài sản: Anh Đ và chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Anh Đ phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con; Anh Đ và chị X có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 107, 110, 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273; điểm a khoản 2 Điều 482 - Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Trần Thị X được ly hôn.

2. Về nuôi con: Giao cho chị Trần Thị X trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 06 tháng 5 năm 2011. Anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/01 tháng, kể từ tháng 6/2022 cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị X có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con nếu anh Đ chậm thi hành, thì hàng tháng anh Đ còn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh Đ đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: AA/2021/0000244, ngày 09 tháng

5 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, anh Đ còn phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Trần Thị X được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND TP.Yên Bái;
- Chi cục THADS TP.Yên Bái;
- Các đương sự;
- UBND phường N, thành phố Y;
- Lưu: Hồ sơ; TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Thị Hoàng Hải